



Chuyên đề:

ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH – Những nội dung cần lưu ý

Luật nền tảng

Bộ luật Dân sự 2015

Là nền tảng cho việc xác lập, thực hiện và bảo vệ các quyền dân sự, bao gồm quyền nhân thân, tiền đề quan trọng cho công tác hộ tịch.

Luật Hộ tịch 2014

Văn bản pháp luật cao nhất, quy định toàn diện về đăng ký hộ tịch, quản lý nhà nước về hộ tịch và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

Luật Hôn nhân và Gia đình 2014

Quy định các vấn đề về kết hôn, ly hôn, quan hệ cha mẹ - con, góp phần định hình các sự kiện hộ tịch quan trọng.

Nghị định quy định chi tiết



Nghị định 123/2015/NĐ-CP

Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch

Nghị định số 87/2020/NĐ-CP

Quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.

Nghị định số 104/2023/NĐ-CP

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công

Nghị định số 07/2025/NĐ-CP

Dự kiến sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hiện hành liên quan đến hộ tịch, quốc tịch và chứng thực, nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Nghị định số 120/2025/NĐ-CP

Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, tối ưu hóa công tác quản lý.

Thông tư Hướng dẫn

1 Thông tư 04/2020/TT-BTP

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, đảm bảo áp dụng thống nhất các quy định pháp luật.

2 Thông tư số 01/2022/TT-BTP

Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.

3 Thông tư số 03/2023/TT-BTP

sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến

4 Thông tư số 08/2025/TT-BTP

Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp

Các sự kiện hộ tịch phổ biến



Khai sinh

Cơ sở pháp lý đầu tiên, xác lập sự tồn tại của công dân.



Kết hôn

Xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp, có giá trị pháp lý.



Khai tử

Chấm dứt quan hệ nhân thân, mở quyền thừa kế tài sản.



Thay đổi, cải chính, bổ sung

Điều chỉnh thông tin cá nhân, đảm bảo tính chính xác của hồ sơ hộ tịch.



Nhận cha, mẹ, con

Xác lập quan hệ huyết thống, đảm bảo quyền và nghĩa vụ.

ĐĂNG KÝ KHAI SINH

- **Thời hạn:** Trong 60 ngày kể từ ngày sinh (Điều 15 Luật Hộ tịch).
- **Thẩm quyền:** UBND cấp xã nơi cư trú của cha/mẹ.

Đối tượng trẻ em sinh ra tại Việt Nam:

- Cha, mẹ là công dân Việt Nam cư trú trong nước.
- Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam thường trú biên giới, người kia là công dân nước láng giềng.
- Cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, người kia là người nước ngoài/không quốc tịch/định cư ở nước ngoài.
- Cha và mẹ là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài /người nước ngoài/không quốc tịch.

Đối tượng trẻ em sinh ra ở nước ngoài, chưa đăng ký khai sinh, về cư trú tại Việt Nam:

- Có cha và mẹ là công dân Việt Nam.
- Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam.



XÁC ĐỊNH NỘI DUNG KHI ĐĂNG KÝ KHAI SINH

1 Xác định họ, dân tộc cho trẻ

Họ của cá nhân được xác định là họ của cha đẻ hoặc mẹ đẻ theo thỏa thuận. Nếu không có thỏa thuận hoặc chưa xác định được cha đẻ, họ con được xác định theo họ mẹ đẻ hoặc tập quán.

2 Việc đặt tên (chữ đệm) cho trẻ

Tên công dân Việt Nam phải bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc khác của Việt Nam, không đặt tên bằng số hay ký tự không phải là chữ.

3 Xác định quốc tịch khi ĐKKKS có yếu tố nước ngoài

Việc xác định quốc tịch Việt Nam cho trẻ em khi đăng ký khai sinh được thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam về quốc tịch.

4 Cấp Số Định Danh Cá Nhân (SĐDCN)

SĐDCN là dãy 12 chữ số do Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác lập và được cấp ngay cho trẻ em là công dân Việt Nam khi đăng ký khai sinh.

LƯU Ý ĐỐI VỚI THÀNH PHẦN HỒ SƠ KHI ĐKKKS CHO TRẺ



Giấy chứng nhận kết hôn và tra cứu thông tin

Cơ quan hộ tịch sẽ tra cứu thông tin về việc kết hôn của cha mẹ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Nếu không tra cứu được, sẽ yêu cầu UBND cấp xã xác minh.



Giấy chứng sinh

Nếu không có, có thể thay bằng văn bản của người làm chứng hoặc văn bản cam đoan.
Trường hợp đã nộp Bản điện tử hoặc đã khai thác được thông tin thì không phải nộp bản giấy.



Trường hợp trẻ sinh ra ở nước ngoài

Cần nộp Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, xác nhận về việc sinh và quan hệ mẹ con.



Trường hợp cha/mẹ là người nước ngoài

Phải có văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc lựa chọn quốc tịch cho con, kèm theo xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước mà trẻ được lựa chọn mang quốc tịch.

ĐĂNG KÝ KHAI SINH CHO MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT



- Đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi
- Đăng ký lại khai sinh
- Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
- Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con

Những trường hợp này đòi hỏi quy trình và hồ sơ đặc thù để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho cá nhân, đồng thời tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

ĐĂNG KÝ KHAI SINH CHO TRẺ BỊ BỎ RƠI

Thẩm quyền

UBND cấp xã nơi lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi sẽ có trách nhiệm đăng ký.

Lập Biên bản

Lãnh đạo UBND hoặc Trưởng công an cấp xã có trách nhiệm tổ chức lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi.

Niêm yết thông tin

UBND cấp xã niêm yết tại trụ sở trong 07 ngày liên tục về việc trẻ bị bỏ rơi để tìm người thân.

Người có trách nhiệm ĐKKS

Cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ sẽ tiến hành đăng ký khai sinh.

Xác định nội dung ĐKKS

Trong trường hợp có căn cứ xác định họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh của trẻ (ví dụ như Giấy chứng sinh) thì ghi theo thông tin đó.

Trường hợp trẻ bị bỏ rơi mà có giấy tờ kèm theo ghi họ tên của trẻ và họ tên cha mẹ, nhưng sau khi niêm yết theo quy định mà không tìm được cha mẹ đẻ, thì phải để trống, không ghi tên cha mẹ vào Giấy khai sinh; chỉ ghi họ tên cha mẹ vào cột Ghi chú trong Sổ đăng ký khai sinh để theo dõi.

Trong trường hợp này, họ tên trẻ sẽ do người yêu cầu đăng ký khai sinh đặt.

ĐĂNG KÝ LẠI KHAI SINH

1. Điều kiện:

- Việc ĐKKS trước 01/01/2016.
- Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ hộ tịch đều bị mất.
- Chỉ thực hiện nếu người yêu cầu còn sống tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

2. Thẩm quyền:

UBND cấp xã nơi cư trú hoặc nơi đã đăng ký khai sinh trước đây/nơi lưu trữ sổ hộ tịch

3. Giấy tờ, tài liệu là cơ sở đăng ký lại khai sinh:

- Bản sao Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp.
- Trong trường hợp không có các giấy tờ trên, có thể căn cứ vào giấy tờ tùy thân, giấy tờ chứng minh nơi cư trú, bằng tốt nghiệp, học bạ, hồ sơ học tập hoặc các giấy tờ khác có thông tin về họ, tên, ngày tháng năm sinh của cá nhân.
- Bản chính/sao giấy tờ có giá trị thay thế Giấy khai sinh cấp trước 1945 (miền Bắc) hoặc trước 1975 (miền Nam).
- Người yêu cầu phải nộp bản sao và cam đoan về tính chính xác. Nếu là cán bộ, công chức, cần có văn bản xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị.
- Trường hợp giấy tờ không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con. Có thể thực hiện tra cứu thông tin trong CSQLQGVDCC hoặc có văn bản gửi cơ quan công an xác minh.
- Nếu thông tin cá nhân, cha, mẹ có thay đổi, thì chứng minh việc thay đổi...

T/h cha mẹ đã chết thì ghi đã chết, nếu ko có giấy chứng tử thì ko được yêu cầu khai tử, cơ quan đăng ký chủ động xác minh

ĐĂNG KÝ KHAI SINH KẾT HỢP NHẬN CHA, MẸ, CON

- **Thẩm quyền:** Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ sẽ kết hợp giải quyết thủ tục đăng ký khai sinh và thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con.
- **Hồ sơ đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con bao gồm:**
 - Tờ khai đăng ký khai sinh và Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu quy định.
 - Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ thay thế Giấy chứng sinh.
 - Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con theo quy định:
Văn bản của cơ quan y tế, giám định hoặc cơ quan có thẩm quyền xác nhận quan hệ.
Nếu không có, phải có văn bản cam đoan của các bên và ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con.

ĐĂNG KÝ KHAI TỬ

Thời hạn & Trách nhiệm

- Thời hạn:** Trong vòng 15 ngày kể từ khi sự kiện chết xảy ra.
- Trách nhiệm đăng ký:** Vợ, chồng, con, cha, mẹ, người thân thích khác của người chết. Trường hợp không có người thân, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm.

Thẩm quyền đăng ký

- Nơi cư trú cuối cùng** của người chết.
Nếu không xác định được nơi cư trú, UBND hoặc cơ quan đại diện nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể có thẩm quyền.



MỘT SỐ LƯU Ý KHI ĐĂNG KÝ KHAI TỬ



Giấy báo tử

Sử dụng theo Mẫu ban hành kèm Thông tư số 01/2022/TT-BTP.

Nếu chết bình thường tại địa phương, căn cứ khai báo người thân, không cấp Giấy báo tử.



Chết có nghi vấn

Phải có Văn bản xác nhận của Công an xã / Kết luận Giám định pháp y



Chết ở nơi khác địa bàn

UBND cấp xã nơi người đó chết cấp Giấy báo tử



Người nước ngoài chết

Thông báo cho Bộ Ngoại giao sau khi ĐKKT.

LƯU Ý VÀ TÌNH HUỐNG ĐẶC BIỆT

Đăng ký lại khai tử

Thẩm quyền:

UBND cấp xã nơi đăng ký trước đây hoặc nơi lưu trữ sổ ĐKKT thực hiện.

Hồ sơ đăng ký lại:

Căn cứ bản sao Giấy chứng tử Việt Nam cấp. Nếu không có, phải chứng minh bằng hồ sơ, giấy tờ liên quan đã đăng ký sự kiện chết, được kiểm tra, xác minh chặt chẽ.

Người lang thang chết

UBND cấp xã nơi phát hiện lập biên bản phục vụ việc thống kê, không thực hiện đăng ký khai tử do không có thông tin về nhân thân của người chết.

Nguyên nhân chết

Không ghi trong Trích lục khai tử. Chỉ có trong Sổ đăng ký khai tử theo Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế. Để trống nếu chưa xác định được.

ĐĂNG KÝ KHAI TỬ CHO NGƯỜI CHẾT ĐÃ LÂU

Trường hợp người chết đã lâu không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế, người yêu cầu phải cung cấp được giấy tờ, tài liệu, chứng cứ hợp lệ chứng minh sự kiện chết.



Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ

Ví dụ: hồ sơ, lý lịch cá nhân đi học/đi làm do cơ quan, đơn vị nơi học tập, công tác quản lý, xác nhận.

Cơ quan đăng ký hộ tịch cần phối hợp kiểm tra, xác minh chặt chẽ để đảm bảo tính xác thực của các Nhóm thông tin:

- Nhân thân của người chết (Họ, chữ đệm, tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, dân tộc, quốc tịch;

- Nơi cư trú cuối cùng của người chết
- Sự kiện chết (thời gian, nơi chết, nguyên nhân



Các căn cứ khác

Gia phả dòng họ, giấy tờ tùy thân của người chết (nếu có), ảnh bia mộ người chết, văn bản xác nhận của người làm chứng.

Cơ quan đăng ký hộ tịch cần kiểm tra, xác minh và lập Biên bản xác minh để làm căn cứ đăng ký khai tử.

Nếu không có hoặc không hợp lệ, cơ quan đăng ký hộ tịch có quyền từ chối.



Đăng ký kết hôn

Điều kiện đăng ký kết hôn

- ☐ Nam từ đủ 20 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi.
- ☐ Tự nguyện quyết định.
- ☐ Không bị mất năng lực hành vi dân sự.

Các trường hợp bị cấm kết hôn

- ☐ Kết hôn giả tạo, tảo hôn, cưỡng ép, lừa dối, cản trở kết hôn.
- ☐ Đang có vợ/chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác.
- ☐ Kết hôn giữa những người cùng dòng máu trực hệ, có họ trong phạm vi ba đời, cha/mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng/mẹ vợ với con dâu/con rể, cha dượng/mẹ kế với con riêng.

Thẩm quyền & đối tượng đăng ký kết hôn

Thẩm quyền đăng ký

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ.



Đối tượng đăng ký

- ☐ Công dân Việt Nam cư trú trong nước kết hôn với nhau.
- ☐ Công dân Việt Nam với người nước ngoài.
- ☐ Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài với nhau.
- ☐ Công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài với Công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài.

LƯU Ý HỒ SƠ ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

Tra cứu thông tin hôn nhân

Cơ quan đăng ký hộ tịch tra cứu tình trạng hôn nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, kết nối với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

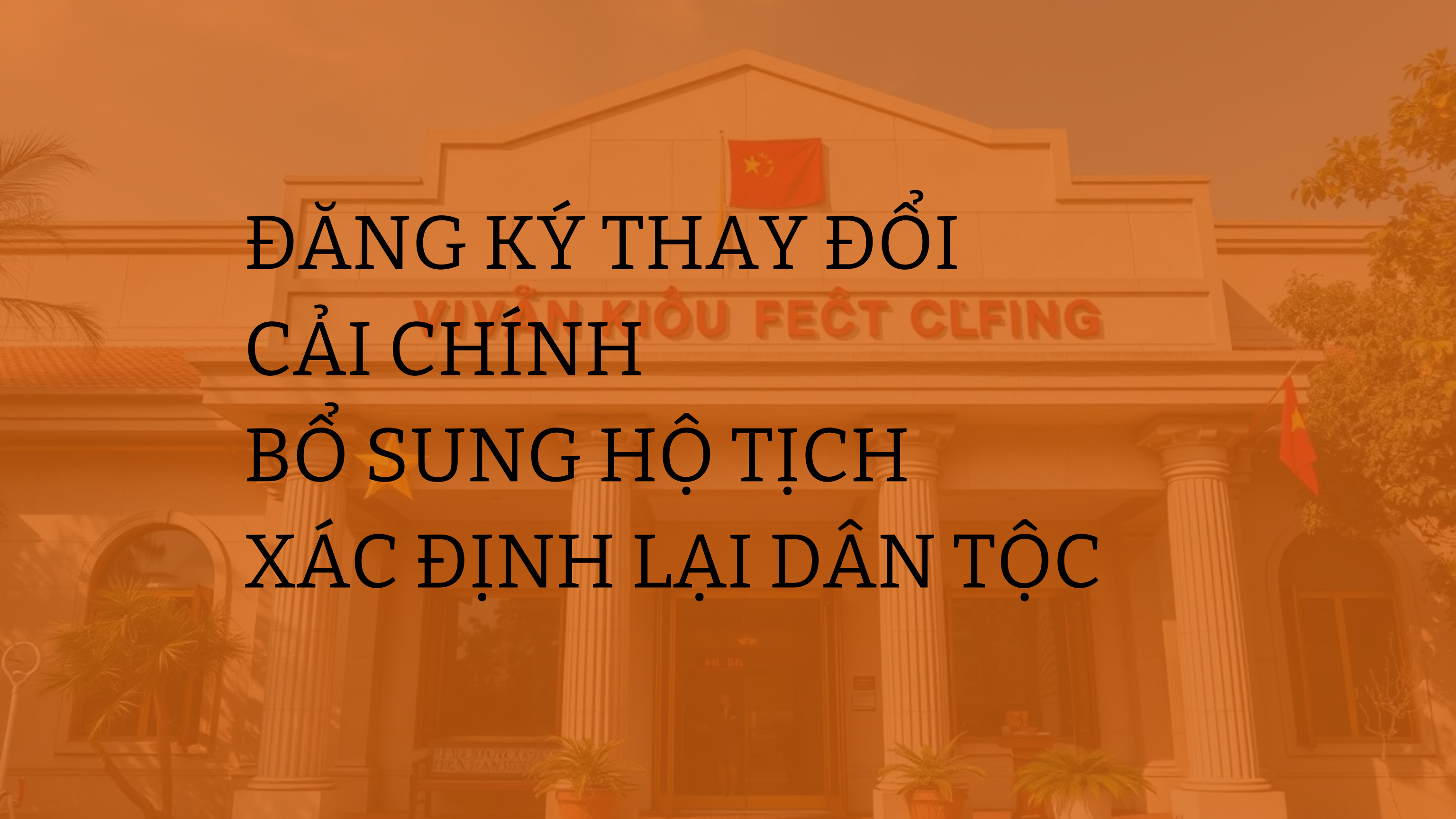
Xác minh thông tin

Nếu không tra cứu được, cơ quan đăng ký hộ tịch đề nghị UBND cấp xã nơi thường trú/đã đăng ký kết hôn xác minh.

Trong 03 ngày làm việc, UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và gửi kết quả.

Xử lý ly hôn/hủy kết hôn ở nước ngoài

Nếu công dân Việt Nam ly hôn/hủy kết hôn tại nước ngoài nhưng chưa có thông tin ghi chú trong Cơ sở dữ liệu, cơ quan đăng ký hộ tịch hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục ghi chú trước khi giải quyết đăng ký kết hôn.



ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI
CẢI CHỈNH
BỔ SUNG HỘ TỊCH
XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC

Nội dung trình bày

Các vấn đề chính

- 1 Quy định pháp luật về thay đổi, cải chính, bổ sung hồ tịch, xác định lại dân tộc
- 2 Thẩm quyền thực hiện
- 3 Điều kiện và thủ tục cụ thể cho từng trường hợp
- 4 Những lưu ý quan trọng khi giải quyết

Khái niệm và phạm vi

Khái niệm

Thay đổi hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký thay đổi những thông tin hộ tịch của cá nhân khi có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật dân sự hoặc thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký theo quy định của pháp luật

Phạm vi

Những “thông tin hộ tịch” được thay đổi, tức là phạm vi thay đổi hộ tịch, chỉ bao gồm 2 loại việc theo quy định tại Điều 26 của Luật hộ tịch:

- Thay đổi họ, chữ đệm và tên của cá nhân trong nội dung khai sinh đã đăng ký khi có căn cứ theo quy định của pháp luật dân sự.
- Thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký sau khi được nhận làm con nuôi theo quy định của Luật nuôi con nuôi.

Việc thay đổi họ, chữ đệm, tên cho người dưới 18 tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật hộ tịch phải có sự đồng ý của cha, mẹ người đó và được thể hiện rõ trong Tờ khai; **đối với người từ đủ 9 tuổi trở lên** thì còn phải có sự đồng ý của người đó

Quyền thay đổi họ - Điều 27 Bộ Luật dân sự

Quyền thay đổi tên - Điều 28 Bộ Luật dân sự

Trong trường hợp người dân yêu cầu thay đổi các thông tin hộ tịch khác (như ngày tháng năm sinh, dân tộc, giới tính, quốc tịch, quê quán...), thì không xem xét giải quyết vì không có cơ sở pháp lý.

Về quyền thay đổi họ, Điều 27 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi họ trong trường hợp sau đây:

- a) Thay đổi họ cho con để từ họ của cha đẻ sang họ của mẹ đẻ hoặc ngược lại;
- b) Thay đổi họ cho con nuôi từ họ của cha đẻ hoặc mẹ đẻ sang họ của cha nuôi hoặc họ của mẹ nuôi theo yêu cầu của cha nuôi, mẹ nuôi;
- c) Khi người con nuôi thôi làm con nuôi và người này hoặc cha đẻ, mẹ đẻ yêu cầu lấy lại họ cho người đó theo họ của cha đẻ hoặc mẹ đẻ;
- d) Thay đổi họ cho con theo yêu cầu của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc của con khi xác định cha, mẹ cho con;
- đ) Thay đổi họ của người bị lưu lạc đã tìm ra nguồn gốc huyết thống của mình;
- e) Thay đổi họ theo họ của vợ, họ của chồng trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài để phù hợp với pháp luật của nước mà vợ, chồng người nước ngoài là công dân hoặc lấy lại họ trước khi thay đổi;
- g) Thay đổi họ của con khi cha, mẹ thay đổi họ;
- h) Trường hợp khác do pháp luật về hộ tịch quy định.

Về quyền thay đổi tên, Điều 28 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi tên trong trường hợp sau đây:

- a) Theo yêu cầu của người có tên mà việc sử dụng tên đó gây nhầm lẫn, ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, đến danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của người đó;
- b) Theo yêu cầu của cha nuôi, mẹ nuôi về việc thay đổi tên cho con nuôi hoặc khi người con nuôi thôi làm con nuôi và người này hoặc cha đẻ, mẹ đẻ yêu cầu lấy lại tên mà cha đẻ, mẹ đẻ đã đặt;
- c) Theo yêu cầu của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc người con khi xác định cha, mẹ cho con;
- d) Thay đổi tên của người bị lưu lạc đã tìm ra nguồn gốc huyết thống của mình;
- đ) Thay đổi tên của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài để phù hợp với pháp luật của nước mà vợ, chồng người nước ngoài là công dân hoặc lấy lại tên trước khi thay đổi;
- e) Thay đổi tên của người đã xác định lại giới tính, người đã chuyển đổi giới tính;
- g) Trường hợp khác do pháp luật về hộ tịch quy định.

Cải chính Hộ tịch

Khái niệm và điều kiện

Định nghĩa

Khoản 12 Điều 4 Luật hộ tịch quy định: “Cải chính hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi những thông tin hộ tịch của cá nhân trong trường hợp có sai sót khi đăng ký hộ tịch”

Đối tượng cải chính

Bao gồm cả giấy tờ hộ tịch và Sổ hộ tịch mà có thông tin hộ tịch bị sai sót.

Phạm vi

Bất kỳ thông tin nào bị sai sót đều được cải chính

Cải chính Hộ tịch

Nguyên tắc cải chính



Có chứng cứ

Bắt buộc có căn cứ chứng minh sai sót trong đăng ký

Nếu không chứng minh được có sai sót, thì không được cải chính hộ tịch

Nguyên tắc lịch sử của dữ liệu



Nghiêm cấm

Mọi yêu cầu cải chính hộ tịch chỉ để nhằm “hợp thức hóa những sai sót trong hồ sơ, giấy tờ cá nhân” đều bị nghiêm cấm



Bảo đảm

Sai sót có thể của cơ quan hoặc người đi đăng ký hộ tịch

Bổ sung Hộ tịch

Khái niệm và phạm vi

Định nghĩa

Khái niệm “bổ sung hộ tịch” được quy định tại khoản 13 Điều 4 Luật hộ tịch: “Bổ sung hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cập nhật thông tin hộ tịch còn thiếu cho cá nhân đã được đăng ký”.

Thông tin hộ tịch còn thiếu được hiểu là những thông tin không có hoặc chưa xác định được tại thời điểm đăng ký hộ tịch và được để trống trong bản chính giấy tờ hộ tịch và Sổ hộ tịch.



Bổ sung Hộ tịch

Quy định về thời gian

Trước 2016

Không bắt buộc

Theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Luật hộ tịch, về nguyên tắc, mọi giấy tờ hộ tịch được cấp hợp lệ trước ngày 01/01/2016 (ngày Luật hộ tịch có hiệu lực) vẫn có giá trị sử dụng mà không phải bổ sung thông tin hộ tịch còn thiếu so với biểu mẫu hộ tịch hiện hành.

Từ 2016

Được bổ sung

Điều 18 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: Đối với giấy tờ hộ tịch được cấp hợp lệ kể từ ngày 01/01/2016 mà thông tin hộ tịch còn thiếu thì được bổ sung, nếu có giấy tờ, tài liệu hợp lệ chứng minh.

 **Đặc biệt:** Bổ sung "quốc tịch Việt Nam" chỉ thực hiện với giấy tờ được cấp từ 01/01/2016



Bổ sung Hộ tịch

Bổ sung thông tin cha mẹ nuôi cho trẻ bị bỏ rơi

Điều 19 Thông tư số 04/2020/TT-BTP quy định như sau:

Trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi là trẻ bị bỏ rơi, trẻ chưa xác định được cha, mẹ thì theo yêu cầu của cha, mẹ nuôi, **Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc nơi cư trú** của con nuôi thực hiện bổ sung thông tin của cha, mẹ nuôi vào phần khai về cha, mẹ trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh

Mục "Ghi chú" trong Sổ đăng ký khai sinh phải ghi rõ "cha, mẹ nuôi"

Bổ sung Hộ tịch

Trường Hợp Con Riêng Được Cha Dượng, Mẹ Kế Nhận Nuôi

Giấy Khai Sinh Trống Thông Tin

UBND bổ sung thông tin cha dượng/mẹ kế vào phần khai về cha/mẹ nếu giấy khai sinh còn trống.

Giấy Khai Sinh Đủ Thông Tin

Thay đổi thông tin về cha dượng/mẹ kế vào phần khai về cha/mẹ theo yêu cầu.

Ghi Chú Đặc Biệt

Mục "Ghi chú" của Sổ đăng ký khai sinh phải ghi rõ "cha nuôi" hoặc "mẹ nuôi".

Xác định lại Dân tộc

Khoản 3 Điều 29 Bộ Luật dân sự quy định

Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định lại dân tộc trong trường hợp sau đây

1

Cha mẹ khác dân tộc

Xác định lại theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ trong trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ thuộc hai dân tộc khác nhau

2

Con nuôi tìm lại cha mẹ

Xác định lại theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ trong trường hợp con nuôi đã xác định được cha đẻ, mẹ đẻ của mình.



Nghiêm cấm: Xác định lại nhiều lần vì mục đích vụ lợi hoặc hưởng chế độ ưu đãi

Trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên yêu cầu xác định lại dân tộc cho người chưa thành niên **từ đủ 15 tuổi** trở lên thì phải được sự đồng ý của người chưa thành niên đó

Thẩm quyền giải quyết thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch

UBND cấp xã

Nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của người có yêu cầu

- Trường hợp UBND cấp xã nơi đăng ký hộ tịch trước đây đã sáp nhập, thì thẩm quyền thuộc nơi được bàn giao Sổ hộ tịch của UBND cấp xã đó
- Trường hợp đăng ký tại UBND cấp huyện thì thẩm quyền thuộc nơi được bàn giao Sổ hộ tịch của UBND cấp huyện đó

Trường hợp việc hộ tịch trước đây được đăng ký tại Sở Tư pháp:

- Trường hợp người yêu cầu là công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú trước khi xuất cảnh thực hiện thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc;
- Trường hợp người yêu cầu là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người đó thực hiện cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.
- Trường hợp người yêu cầu là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở của Sở Tư pháp đã đăng ký việc hộ tịch trước đây thực hiện cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.

Trường hợp việc hộ tịch trước đây được đăng ký tại UBND cấp huyện

Trường hợp thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc mà việc hộ tịch trước đây được đăng ký tại UBND cấp huyện mà không xác định được thẩm quyền như đã nêu trên thì áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 120/2025/NĐ-CP để xác định thẩm quyền giải quyết (ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP)
(STP giao UBND cấp xã phù hợp)

VD: Giải quyết việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài

Bổ sung ngày, tháng sinh

Khoản 3 Điều 18 Thông tư số 04/2020/TT-BTP quy định như sau: “Trường hợp cá nhân đã được đăng ký khai sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 nhưng Giấy khai sinh, Sổ đăng ký khai sinh không ghi ngày, tháng sinh thì được bổ sung ngày, tháng sinh:

Có giấy chứng sinh

Bổ sung theo giấy chứng sinh hoặc xác nhận y tế

Không có giấy chứng sinh, nhưng có hồ sơ, giấy tờ cá nhân

Hồ sơ, giấy tờ cá nhân ghi thống nhất về ngày, tháng sinh, thì xác định theo ngày, tháng sinh đó. Trường hợp ngày, tháng sinh trong hồ sơ, giấy tờ cá nhân không thống nhất thì xác định theo ngày, tháng sinh trong hồ sơ, giấy tờ được cấp hoặc xác nhận hợp lệ đầu tiên.

Không có hồ sơ, giấy tờ cá nhân hoặc hồ sơ giấy tờ không có thông tin

Cho phép cam đoan theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 04/2020/TT-BTP

Không xác định được

Ngày sinh là 01/01 của năm sinh năm sinh; trường hợp xác định được tháng sinh nhưng không xác định được ngày sinh thì ngày sinh là ngày 01 của tháng sinh

TẾ THẮG NATI G NAT NI TUNLI
SOCIALT REPUBLIC OF VIETNAM



TOTUA NAT THING BÊ N NÔH MÛNI
Priet Nanin
TIẾU H. 1010

Thạt viấy de the Maut à thây Ni òni, dò à, Nàe T
Thung diégt dazubal Nihat def mang haj dirg, cheanal
Nát neat dag aù hăg to mact Chánima táweel thạt th

Tee: Tee Nát Chole
2017: 3503 Rotul 12013

Lưu ý khi Giải quyết

Thông báo thay đổi

Nguyên tắc chung

Trường hợp đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc không phải tại nơi đăng ký hộ tịch trước đây thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ tịch trước đây để ghi vào Sổ hộ tịch.

Trường hợp trước đây ĐKHT tại Sở Tư pháp

Gửi thông báo đến UBND cấp xã nơi đang lưu giữ sổ

Trường hợp trước đây ĐKHT tại Cơ quan đại diện

Thông báo qua Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự)

Tóm tắt

Những điểm cần nhớ



Thay đổi

Chỉ 2 trường hợp: họ, tên / Thông tin cha mẹ đẻ -> cha mẹ nuôi theo quy định của Điều 27, 28 Bộ Luật dân sự



Cải chính

Cần chứng cứ chứng minh sai sót
Chứng cứ phải bảo đảm hợp lệ, hợp lý



Bổ sung

Thông tin còn thiếu (có cột, mục để ghi nội dung bổ sung), có giấy tờ chứng minh



Xác định lại Dân tộc

Chỉ trong 2 trường hợp quy định theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Bộ Luật dân sự